

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN MIỀN NÚI NGHỆ AN

■ Trang Tuệ

Nghệ An hiện nay là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước với hơn 16.490km², trong đó vùng miền núi rộng 13.745km², chiếm 83% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Dân số sinh sống ở vùng miền núi là 1.197.628 người (chiếm 41% dân số toàn tỉnh) trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 466.161 người, chiếm 15,2% dân số toàn tỉnh và chiếm 36% dân số trên địa bàn miền núi. Cả tỉnh có 39 dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số có số đông chủ yếu là: Thái, Thổ, Khơ Mú, Mông, Ơ Đu. Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại 252 xã miền núi với 1.339 thôn, bản (trong đó có 94 xã thuộc khu vực III, 112 xã khu vực II và 46 xã khu vực I; 1.175 thôn bản đặc biệt khó khăn), 27 xã của 6 huyện biên giới tiếp giáp 468,281km đường biên giới với nước bạn Lào. Điều đó cho thấy miền núi, vùng dân tộc thiểu số là một phần quan trọng của tỉnh. Phần lớn thôn bản ở miền núi hiện nay đều có tình trạng chung là trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn chậm, đời sống người dân còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, những vùng đặc biệt khó khăn số hộ nghèo lên trên 60%⁽¹⁾. Một điều đáng lo ngại là trong khi kinh tế phát triển còn chậm thì văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số lại đang mai một nhanh chóng. Vậy nên, nhận thức về sự chuyển đổi trong đời sống kinh tế - xã hội vùng miền núi là vấn đề cần thiết để xây dựng định hướng phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số ở Nghệ An hiện nay.

1. Sự chuyển đổi kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

Trong khoảng ba thập kỷ vừa qua, miền núi Nghệ An đã có những thay đổi nhanh chóng, từ cơ sở vật chất hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng. Bối cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa ở vùng miền núi ngày một thay đổi mạnh mẽ. Sự chuyển đổi đó thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau, trong đó, tập trung vào một số nét chính:

Trước hết, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra miền núi Nghệ An đang chuyển từ xã hội thôn bản khép kín sang xã hội mở, năng động hơn, giao lưu rộng rãi hơn. Nếu như trước đổi mới, miền núi nhìn chung là các thôn, bản tương đối khép kín, ít giao lưu với các khu vực khác, thì hiện nay, gần như không còn một thôn bản, một địa phương nào khép kín. Gần như tất cả đã hòa nhập vào quá trình giao lưu, tiếp xúc và phát triển, hội nhập. Ranh giới giữa các thôn bản cũng bị xóa nhòa đi nhiều. Mối quan hệ giữa các thôn bản đã trở nên mạnh mẽ, một mặt làm cho các cấu trúc thôn bản trở nên linh động hơn, mặt khác cũng làm cho quá trình tiếp biến văn hóa trở nên mạnh mẽ hơn, cấu trúc thôn bản và thiết chế xã hội truyền thống ngày càng bị mờ nhạt.

Thứ hai là sự chuyển đổi từ thôn bản miền núi truyền thống lạc hậu sang thôn bản miền

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

núi hiện đại. Từ những thôn bản khép kín, ruộng đất manh mún, chủ yếu canh tác bằng cày, bừa, cuốc, gậy chọc lỗ, bằng sức người, sức trâu bò đã chuyển sang thôn bản về cơ bản sản xuất bằng máy móc hiện đại hơn, sức người ngày càng được giải phóng, máy móc và các tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng được ứng dụng rộng rãi hơn. Từ vùng thôn bản đường đất nhỏ hẹp, đi lại và vận chuyển với phương tiện thô sơ thì nay đã là các vùng thôn bản hiện đại hơn với đường nhựa, đường bê tông sạch sẽ, hầu hết các gia đình đều có xe máy để đi, nhiều gia đình ở miền núi hiện nay còn có ô tô và tỷ lệ này ngày càng tăng lên. Từ vùng miền núi lạc hậu, ngày ngày lao động chỉ lo cho đủ ba bữa cơm nay trong các gia đình đều có nhiều trang thiết bị hiện đại từ nồi cơm điện, quạt điện, điện thoại, đến bình nước nóng, tủ lạnh, máy giặt... Đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao, hiện đại hóa nhanh chóng.

Thứ ba là sự chuyển đổi từ miền núi tự cung tự cấp là chủ yếu sang miền núi phát triển kinh tế thị trường ngày càng mạnh mẽ. Phần lớn vùng miền núi Nghệ An bị cắt xẻ mạnh do địa hình đồi núi, nên trước đây, ở miền núi chủ yếu là kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu của gia đình. Nhưng hơn hai thập kỷ qua, nền kinh tế đã thay đổi nhanh chóng. Kinh tế thị trường đang phát triển mạnh mẽ ở khu vực miền núi. Hệ thống chợ ngày càng được xây dựng và mở rộng dày hơn. Từ

các chợ trung tâm ở các huyện thị đến các chợ vùng, chợ xã. Và hệ thống các quán hàng tạp hóa len lỏi về tận thôn bản. Người dân cũng không ngừng tham gia và mở rộng các mạng lưới thị trường của họ. Nhiều vùng có điều kiện thuận lợi bắt đầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nhiều sản phẩm đã trở thành thương hiệu được nhiều người biết đến. Kinh tế thị trường làm cho đời sống vật chất và tinh thần người dân không ngừng được nâng cao, nhưng cũng làm cho nền văn hóa truyền thống biến đổi nhanh chóng. Vậy nên, để phát triển bền vững, người dân cần có những tri thức, kỹ năng mới, tiếp cận thị trường, tiếp cận khoa học - công nghệ để chủ động hơn trong nền kinh tế thị trường.

Bên cạnh ba phương diện chính đó thì miền núi Nghệ An cũng đang ngày càng đa dạng và phức tạp hơn. Phát triển mạnh mẽ hơn nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp bách cần phải giải quyết hơn. Tuy nhiên, sự chuyển đổi trên các phương diện chính là tác nhân, cũng là môi trường ảnh hưởng quyết định đến việc đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Nói cách khác, định hướng đào tạo nguồn nhân lực là làm sao để có nguồn nhân lực thỏa mãn được các nhu cầu trong



Ứng dụng máy móc trong hoạt động sản xuất ở thôn bản

quá trình chuyển đổi và phát triển vùng dân tộc thiểu số trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển vùng dân tộc thiểu số hiện nay

Yêu cầu trước hết là nguồn nhân lực phải có tri thức, kỹ năng và trải nghiệm thị trường để phục vụ quá trình chuyển đổi kinh tế miền núi từ tự cung tự cấp sang kinh tế thị trường. Nhìn chung, người dân vùng dân tộc thiểu số còn rất hạn chế về các tri thức, kỹ năng để tiếp cận thị trường. Trước đây, một số bộ phận ở miền núi đã biết đến kinh tế hàng hóa nhưng sau khi thực hiện chính sách hợp tác xã trong nền kinh tế bao cấp thì kinh tế thị trường bị triệt tiêu. Vậy nên, khi kinh tế thị trường phát triển thì những hạn chế này thể hiện rõ ràng hơn. Hầu hết, người dân đều tiếp cận thị trường một cách thụ động. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì đào tạo nguồn nhân lực cần đáp ứng nhu cầu của thị trường, tức nguồn lao động phải có tri thức, kỹ năng, trải nghiệm thị trường và có năng lực chủ động tham gia vào các mạng lưới thị trường khác nhau.

Yêu cầu thứ hai là nguồn nhân lực phải có trình độ và kỹ năng sử dụng vật dụng trang thiết bị, công cụ kỹ thuật hiện đại để phục vụ quá trình hiện đại hóa ở miền núi. Lao động vùng dân tộc thiểu số trước đây chủ yếu dựa vào sức mạnh thể chất và kinh nghiệm trong sản xuất. Nhưng hiện nay, khi mà nền sản xuất đang được cơ giới hóa, hiện đại hóa thì chỉ sức mạnh thể chất cũng như kinh nghiệm là chưa đủ. Còn cần phải có kiến thức cơ bản, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị, công cụ cần thiết cũng như nhiều năng lực khác để phục vụ quá trình phát triển. Từ kỹ năng sử dụng các công cụ như máy cày, máy bừa, các loại xe vận chuyển nhỏ đến kỹ năng tạo ra và quản lý các mạng lưới xã hội khi tham gia thị trường. Bên cạnh đó, phải có kiến thức để tiếp cận các thông tin về thị trường và giá cả, về cơ hội để phát triển. Nói chung, là trong bối cảnh hiện nay, nhân lực cho phát triển miền núi cũng cần được hiện đại hóa để đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa miền núi.

Nghệ An đang thực hiện chính sách nhằm xây dựng con người đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển nên đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển miền núi giai đoạn mới cũng phải chú trọng đến các phẩm

chất, giá trị mới đáp ứng nhu cầu phục vụ quá trình toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển. Nhân lực phát triển miền núi cũng phải có những phẩm chất, giá trị chung như tự do, dân chủ, trách nhiệm, tiến bộ, nhân văn, phải có những kỹ năng để làm chủ công nghệ, tiếp cận được quá trình toàn cầu hóa, hội nhập. Con người hội nhập cũng phải có bản lĩnh để chấp nhận được sự khác biệt và cũng tạo ra được giá trị khác biệt cho bản thân.

Tóm lại, miền núi đang thay đổi toàn diện nên yêu cầu việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển miền núi cũng phải thay đổi, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản. Đó là những con người hiện đại, làm chủ được công nghệ, có đầy đủ kỹ năng để vận dụng, sử dụng các thiết bị hiện đại, có năng lực tiếp cận thị trường và có đủ bản lĩnh để làm chủ cuộc sống, làm chủ sự phát triển vùng dân tộc thiểu số.

3. Những hạn chế của giáo dục đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển miền núi

Nghệ An hiện nay có 7 trường đại học, là một trong những địa phương có nhiều trường đại học, trong đó có những trường đại học lớn có uy tín nhiều năm. Vậy nên, nguồn nhân lực ở Nghệ An không ngừng được nâng cao. Chưa kể số lượng con em người Nghệ đi học ở các trường đại học lớn trong nước và nước ngoài vô cùng đông đảo. Tuy nhiên, Nghệ An cũng chưa thoát ra khỏi tình trạng người đi học đại học thì nhiều mà nguồn nhân lực cho phát triển lại thiếu. Đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số. Trước đây, cũng như các vùng khác, người dân tộc thiểu số ở miền núi cũng luôn mong muốn cho em con thi đậu đại học để có điều kiện thay đổi cuộc sống. Nhưng càng ngày, khi mà số người học đại học không ngừng tăng lên nhưng lại khó xin việc làm thì người dân lại quan niệm khác về việc đầu tư cho con em đi học.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Một cuộc khảo sát xã hội học về việc hướng nghiệp cho con em trong một xã ở vùng miền núi huyện Con Cuông cho thấy một sự chuyển đổi mạnh mẽ. Trước 1986, cả xã chỉ có 2 người học hết đại học và 3 người tốt nghiệp cao đẳng. Từ năm 1986-2000 đã có 11 người tốt nghiệp đại học. Từ năm 2000-2019 có 26 người tốt nghiệp đại học. Điều đáng nói là nếu như thập niên đầu tiên của thế kỷ này là thời điểm trong xã có nhiều con em đi học đại học nhất thì trong mấy năm gần đây lại giảm đi nhiều. Trong 3 năm gần nhất chỉ có 4 người đi học đại học... Nạn thất nghiệp đối với những người có trình độ đại học trong khoảng một thập kỷ trở lại đây trở thành nỗi lo lớn ở Nghệ An. Những người tốt nghiệp đại học và cao đẳng trước năm 1986 đều làm việc đúng chuyên ngành, chỉ có một người sau này chuyển ra làm kinh doanh riêng nhưng khi ra trường vẫn được nhận vào cơ quan chuyên môn làm việc. Có 9 người trên tổng số 11 người tốt nghiệp đại học giai đoạn năm 1986-2000 làm việc đúng chuyên môn (chiếm 82%). Nhưng chỉ có 10 người trong tổng số 26 người tốt nghiệp đại học từ năm 2000-2019 làm đúng chuyên môn đào tạo (chiếm 38%), đặc biệt, chỉ có 2 trong số 12 người tốt nghiệp đại học giai đoạn năm 2010-2019 làm theo chuyên môn (chiếm 17%)⁽²⁾.

Nguyên nhân thứ hai là sự đa dạng hóa về nghề nghiệp, công việc dành cho những người không tốt nghiệp đại học cũng tăng lên nhiều lần. Nhiều khu công nghiệp ở khu vực thành phố Vinh và vùng phụ

cận cũng thu hút nguồn nhân công từ các địa phương trong tỉnh đến làm, tạo ra nhiều việc làm cho lớp lao động trẻ ở các trình độ khác nhau. Bên cạnh đó là việc di cư đi làm việc ở các khu công nghiệp trong miền Nam, ngoài miền Bắc hay nhiều địa phương khác. Tốt nghiệp phổ thông là có thể đi xin việc làm ở các khu công nghiệp với mức lương 3-4 triệu/tháng. Nếu học trung cấp hay cao đẳng, có một tay nghề nhất định thì việc xin vào làm ở các xí nghiệp dễ dàng hơn. Nhưng học đại học nhiều khi đi xin việc ở các khu công nghiệp lại gặp khó khăn hơn.

4. Hệ thống trường dạy nghề và việc đào tạo nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số

Trong bối cảnh đào tạo đại học gặp nhiều vấn đề thì đào tạo nghề ở các trường cao đẳng và trung cấp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số là hướng đi cần thiết. Việc đào tạo nghề phục vụ phát triển nông thôn nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng cũng được nhà nước quan tâm trong nhiều năm qua. Cụ thể, từ năm 2009, Chính phủ đã ban hành Quyết định 1956/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” với quan điểm chủ



Đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số là hướng đi cần thiết
(Ảnh: Học viên là người dân tộc thiểu số đang theo học tại Trường Cao đẳng Nghệ Việt - Đức)

đạo “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn”.

Nghệ An là một tỉnh nghèo nhưng đang phát triển ngày một mạnh mẽ nên nhu cầu về nguồn nhân lực càng có vai trò quan trọng trong các chiến lược phát triển của tỉnh nhà. Năm 2017, UBND tỉnh Nghệ An cũng ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn năm 2017-2020”. Mục tiêu quan trọng nhất của kế hoạch này là “Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo nhằm tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững; chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương”. Trong đó cũng đặt ra vấn đề quan tâm, ưu tiên việc đào tạo nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số.

Hiện tại, riêng thành phố Vinh có 11 trường cao đẳng đang tuyển sinh và đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực cho trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra còn có các phân hiệu của các trường cao đẳng khác đóng ở Vinh, các trường trung cấp khá dày đặc trên địa bàn các huyện, thị khác trong tỉnh. Cùng với hệ thống các trường cao đẳng, trung cấp là hàng vạn thanh niên đang theo học nhiều ngành nghề khác nhau. Trong đó, nhiều học viên, sinh viên đang theo học tại đây là con em đến từ các vùng miền núi khác

nhau trong tỉnh. Theo số liệu của Trường Cao đẳng Nghề số 4 - Bộ Quốc Phòng thì hiện nay có gần 1.000 học viên đang theo học các ngành nghề khác nhau tại đây⁽³⁾. Khảo sát một lớp Du lịch tại Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật số 1 cho thấy, trong số 33 học viên thì có 27 người là dân tộc thiểu số, dù rằng du lịch còn là một ngành tương đối mới mẻ ở đây. Hình thức đào tạo cũng khá đa dạng, từ đào tạo tập trung, đào tạo từ xa, đào tạo kết hợp, đào tạo liên thông⁽⁴⁾.

Cùng với hoạt động của hệ thống trường cao đẳng, trung cấp thì nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển của tỉnh cũng được nâng lên rõ rệt. Ngày trước, trình độ nguồn lao động ở miền núi còn rất hạn chế, số người biết chữ đã ít, còn lao động qua đào tạo lại càng hiếm. Nhưng hiện nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo đang tăng lên nhanh chóng. Xin đưa ra một ví dụ về người dân tộc Ô Đu ở miền núi Nghệ An. Ô Đu là dân tộc có số dân ít bậc nhất ở Việt Nam. Hiện nay, họ tập trung chủ yếu ở bản Vãng Môn, thuộc xã Nga My, huyện Tương Dương. Khoảng từ năm 2005 trở về trước, người Ô Đu biết chữ đã là hiếm rồi. Nhưng chỉ sau 15 năm, sau khi tái định cư về Nga My, nguồn nhân lực thay đổi nhanh chóng. Hiện nay, trong số 328 người Ô Đu ở bản này thì có 21 người được đào tạo chuyên nghiệp từ trung cấp đến đại học, chiếm 6,4% dân số. Trong đó, có 12 trình độ đại học, 7 trình độ cao đẳng và 2 trình độ trung cấp. Xem giáo dục như là một nấc thang để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực thì người Ô Đu đang ngày càng tăng lên do số người được học hành lên cao ngày càng nhiều thêm⁽⁵⁾. Với một cộng đồng thuộc dân tộc thiểu số rất ít người ở miền núi đã như vậy thì đương nhiên, ở các cộng đồng khác, các địa phương khác có điều kiện thuận lợi hơn, sự biến chuyển sẽ còn nhanh chóng hơn.

Đóng góp lớn nhất của hệ thống trường dạy nghề là đào tạo cơ bản và trình độ tay nghề cho một số lượng lớn các thanh niên là con em trong tỉnh, giúp nâng cao chất lượng lao động của các địa phương. Qua đó, cũng tạo ra nhiều công ăn việc làm cho tầng lớp thanh niên ở vùng dân tộc thiểu số, và cung ứng nguồn lao động đã qua đào tạo, có tay nghề cho các doanh nghiệp. Nhưng cũng phải nhìn nhận nghiêm túc rằng, dù có nhiều kết quả đáng kể, thì nguồn nhân lực ở miền núi vẫn còn nhiều hạn chế. Nguồn nhân lực phục vụ phát triển miền núi lại càng yếu kém hơn vì nhiều lý do. Trước hết, các trường đại học và cao đẳng, trung cấp đào tạo nhân lực chủ yếu cung ứng lao động cho các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước. Mà việc làm ở các cơ quan nhà nước thì nhu cầu không quá lớn, trong khi các doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng đô thị và ven đô. Vậy nên, số lao động được đào tạo tập trung đi xin việc ở các đô thị trong và ngoài tỉnh là chủ yếu. Trong khi đó, nguồn nhân lực phục vụ phát triển ở khu vực miền núi lại ít được quan tâm. Nhiều người vẫn nghĩ làm nông dân ở miền núi thì không cần đào tạo cũng làm được. Nhưng thực tế hiện nay đã khác. Để phát triển được thì con người ở miền núi cũng cần nhiều kỹ năng, nhiều hiểu biết khác nhau. Tức là họ cũng cần được đào tạo, và đào tạo theo nhiều cách thức khác nhau. Nói cách khác, việc đào tạo ở hệ thống các trường chuyên nghiệp đang xa rời với sự chuyên đổi trong quá trình phát triển miền núi. Vậy nên, để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho quá trình phát triển miền núi, cần phải có những định hướng đào tạo nhân lực hợp lý và hiệu quả.

5. Định hướng phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số ở Nghệ An trong giai đoạn hiện nay

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực của các chương trình, chính sách trong giai đoạn vừa qua, mà trong đó chủ yếu hướng đến: “Chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương; Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình”⁽⁶⁾ thì chúng ta có thể gợi mở ra một số định hướng chủ đạo cho việc phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số hiện nay.

Trước hết, cần phải đa dạng hóa các mô hình đào tạo nhân lực, kết hợp nhiều mô hình đào tạo khác nhau, và xây dựng những mô hình đào tạo mới phù hợp với các đối tượng cần được đào tạo. Cần nhận thức rõ rằng rằng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển vùng dân tộc thiểu ở miền núi Nghệ An hiện nay phải đi theo cả hai hướng quan trọng. Một là đào tạo ngành nghề chuyên nghiệp cho tầng lớp thanh thiếu niên để phục vụ phát triển miền núi trong tương lai gần. Hai là đào tạo kỹ năng cho người dân đang và sẽ tham gia vào quá trình phát triển miền núi hiện nay, bao gồm cả những người đã qua độ tuổi lao động lẫn những người chưa đến độ tuổi lao động. Như vậy thì một mặt cần phải tiếp tục đào tạo nhân lực ở các trường chuyên nghiệp từ đại học, cao đẳng, trung cấp. Mặt khác, tổ chức nhiều các khóa tập huấn để đào tạo kỹ năng cho người dân ở miền núi nhằm giúp họ tiếp cận với khoa học kỹ thuật, vận dụng và sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại, tiếp cận các nguồn thông tin về chính sách, về thị trường, làm chủ được các mạng lưới xã hội và chủ động tiếp cận thị trường hơn. Muốn làm được điều đó, thì chỉ ngành giáo dục đào tạo vào cuộc là chưa đủ, mà còn cần nhiều ban, ngành khác, cả cộng đồng, doanh nghiệp và cả các tổ chức xã hội cùng chia sẻ.

Định hướng thứ hai là đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu phát triển miền

núi, tức là dựa trên sự chuyển đổi trong quá trình phát triển miền núi để xây dựng chương trình đào tạo nhân lực phù hợp. Nhu cầu nhân lực phát triển nông thôn hiện nay là con người có những tri thức, tư duy, kỹ năng mới để làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống và tham gia vào việc làm cho xã hội phát triển lành mạnh, bền vững và nhân văn hơn. Tri thức mới hiện nay là tri thức về khoa học, về văn hóa, về hội nhập và phát triển. Nói cách khác là tri thức toàn cầu, tri thức tiên tiến và hiện đại bên cạnh những kinh nghiệm, trải nghiệm và tri thức truyền thống. Tư duy mới là tư duy tiến bộ, nhân văn, phát triển bền vững, hài hòa, lành mạnh, phục vụ lợi ích của mình nhưng cũng đưa lại lợi ích cho xã hội, cho nhân loại. Kỹ năng mới cũng hình thành dựa trên hệ thống tri thức mới, tư duy mới, đó là kỹ năng sử dụng, vận dụng khoa học - công nghệ vào quá trình phát triển, vào đời sống sinh hoạt.

Định hướng thứ ba là đào tạo nguồn nhân lực gắn với phát triển kinh tế thị trường ở vùng dân tộc thiểu số. Miền núi đang đối diện với thời đại số hóa, với sự phát triển của truyền thông và mạng xã hội. Nông nghiệp đang chịu ảnh hưởng của sự biến động liên tục từ thị trường. Nên người dân tộc thiểu số hiện nay cũng phải có đầy đủ kỹ năng để sử dụng các phương tiện, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Người dân thông qua công nghệ có thể tìm hiểu về chính sách nhà nước, về thị trường giá cả, về kỹ thuật canh tác và chế biến. Và quan trọng hơn là thông qua các mạng lưới xã hội, họ thể hiện được tiếng nói của mình đối với nhà nước, với đối tác... Vậy nên, cần phải có những chương trình đào tạo nhằm giúp người dân chủ động tiếp cận thị trường, làm chủ công nghệ để phát triển kinh tế thị trường.

Định hướng thứ tư là đào tạo nguồn nhân lực gắn với ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Người nông dân ở miền núi xưa chỉ biết điều khiển con trâu/con bò để cày ruộng bừa đất và một số kỹ năng để phục vụ canh tác từ nương rẫy đến ruộng nước. Về cơ bản là kỹ năng tay chân từ kinh nghiệm. Ngày nay, nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại hóa nên người dân miền núi cũng phải biết sử dụng máy móc, sử dụng trang bị hiện đại để thay thế lao động chân tay. Phải biết tìm kiếm thông tin thị trường, tìm hiểu chính sách để có hoạch định phát triển. Nên họ phải

cần có cả một hệ thống các kỹ năng và phải học tập từ tế, nghiêm túc để vận dụng.

Định hướng thứ năm là gắn cơ sở đào tạo nghề với nhu cầu phát triển của các địa phương cụ thể. Hiện nay, có một số trường dạy nghề đã tiến hành ký kết các văn bản hợp tác đào tạo nguồn nhân lực với các địa phương. Như cách Trường Cao đẳng Nghề số 4 - Bộ Quốc phòng hợp tác với xã Lương Minh (thuộc huyện Tương Dương) đang đào tạo 32 học viên là con em dân tộc thiểu số trong xã để tiến tới thu xếp việc làm cho các học viên một cách hợp lý nhất. Bên cạnh đó là các khóa tập huấn cho người dân về các kỹ năng và tri thức để tiếp cận với các trang thiết bị hiện đại.

Nói tóm lại, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển vùng dân tộc thiểu số ở miền núi trong giai đoạn hiện nay đặt ra nhiều yêu cầu mới. Nó đòi hỏi phải có những định hướng mới và gắn liền với những chuyển đổi quan trọng của đời sống ở miền núi. Những gợi mở trên đây chỉ là những ý kiến góp phần thảo luận thêm vào vấn đề quan trọng này. Chúng ta đang đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới ở miền núi, đẩy mạnh phát triển miền núi. Nhưng nếu không có sự đột phá từ yếu tố con người, thì chắc chắn rằng sẽ khó mà đạt được các mục tiêu đề ra trong quá trình phát triển./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Ban Dân tộc Nghệ An (2018), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong các năm qua trên địa bàn tỉnh Nghệ An*. Ngày 06/12/2018.

⁽²⁾ Tài liệu nghiên cứu của tác giả năm 2019.

⁽³⁾ Tài liệu báo cáo về công tác đào tạo của Trường Cao đẳng Nghề số 4, Bộ Quốc phòng năm 2019.

⁽⁴⁾ Khảo sát của tác giả năm 2020.

⁽⁵⁾ Số liệu do trường bản Văng Môn cung cấp cho tác giả tháng 3/2021.

⁽⁶⁾ Quyết định 1956/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” được Thủ tướng ký ngày 27/11/2009.